

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17/5/2019

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Văn Phú;

2/ Ông Huỳnh Thanh Hùng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị A, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Số nhà 1063B, tổ 14, ấp VN, xã VT, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành S, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Tổ 22, ấp Vĩnh Thành, xã VT, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà A có đơn xin xét xử vắng mặt, ông S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/02/2019 cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Phạm Thị A trình bày: Hôn nhân của bà với ông Nguyễn Thành S do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện A, tỉnh An Giang vào ngày 16/8/2010. Sau khi kết hôn bà và ông S lên thành phố Hồ Chí Minh sống bằng nghề làm thuê. Trong quá trình chung sống bà và ông S thường hay phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông S thường hay ghen tuông vô cớ dẫn đến bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi

nhau, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, lúc xảy ra mâu thuẫn gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, hiện cả hai không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, nay yêu cầu xin ly hôn với ông S.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ X, sinh ngày 13/05/2011 và Nguyễn Thành S1, sinh ngày 05/01/2016, các cháu hiện nay đang sống với ông S và gia đình, khi ly hôn bà đồng ý giao cháu X và S1 cho ông S được tiếp tục nuôi dưỡng, bà xin không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thông báo thụ lý, hòa giải cũng như thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông Nguyễn Thành S theo quy định nhưng ông S vắng mặt, để đảm bảo quyền lợi của ông S, Tòa án có đến nhà của ông S để ghi nhận ý kiến nhưng không gặp ông nên không thể ghi nhận ý kiến của ông.

Để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, Tòa án đã thực hiện thủ tục thu thập chứng cứ là xác minh tình trạng mâu thuẫn vào ngày 09/4/2019, kết quả thể hiện: Quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông S do tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại xã VT. Trong quá trình chung sống hai bên thường hay mâu thuẫn, cự cãi, tính tình thường không hòa hợp, cả hai đã sống ly thân khoảng 19 tháng nay. Sau khi bà A làm đơn ly hôn với ông S, gia đình có thông báo cho ông S hay nhưng do đi làm thuê không thể về được. Hiện nay ông S vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã VT và vẫn thường xuyên về địa phương. Con chung hiện nay đang sống với ông bà nội (bà Ven, ông Sỡ).

Tại biên bản xác minh ngày 16/4/2019 được công an xã cho biết hiện ông S vẫn còn đăng ký thường trú tại xã VT theo tàng thư công an đang giữ.

Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến của con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ X, được cháu cho biết hiện nay điều kiện sống của cháu rất tốt, được ăn học đầy đủ như bao đứa trẻ khác, nếu cha mẹ cháu ly hôn thì cháu xin được tiếp tục sống với cha (ông S).

Tại phiên tòa bà A vẫn bảo lưu ý kiến và có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi hòa giải, xác minh thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Thành phần Hội đồng xét xử, thư ký không thuộc

trường hợp phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi đáp tại phiên tòa cho thấy hôn nhân của bà A và ông S có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ X, sinh ngày 13/05/2011 và cháu Nguyễn Thành S1, sinh ngày 05/01/2016, các cháu hiện nay đang sống với ông S và gia đình. Để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý của hai cháu X và S1 sau này được tốt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A là giao hai cháu lại cho ông S được nuôi dạy.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do bà A không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Trường hợp bà A và ông S có yêu cầu sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị A khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành S. Các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông S được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, bà A có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S, bà A theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà A và ông S có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà A ly hôn với ông S thì thấy: Trong đời sống hôn nhân thường phát sinh mâu thuẫn, thời gian không còn chung sống giữa bà A và ông S đã lâu, cuộc sống thường hay phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn. Bà A vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông S. Do vậy có căn cứ cho thấy mục đích hôn nhân giữa bà A và ông S không đạt được, đời sống chung

không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nên yêu cầu ly hôn của bà A là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Hiện nay cháu Nguyễn Thị Mỹ X, sinh ngày 13/05/2011 và cháu Nguyễn Thành S1, sinh ngày 05/01/2016 đang sống với ông S và gia đình, đồng thời cháu X cũng có nguyện vọng muốn sống chung với cha khi cha mẹ ly hôn. Để đảm bảo điều kiện sống và tâm sinh lý của các cháu sau này nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai cháu X và S1 cho ông S được nuôi dạy.

Ông S cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà A trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Mặc dù bà A xin không phải cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời Tòa án cũng không ghi nhận được ý kiến của ông S có liên quan đến phần nghĩa vụ cấp dưỡng, tuy nhiên căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình và đảm bảo cho sự phát triển của con chung, Hội đồng xét xử nghĩ cần buộc bà A thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng hàng tháng là 655.000 đồng/01 con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà A không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này bà A và ông S có yêu cầu sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và án phí dân sự về cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 56, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 28 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thị A được ly hôn với ông Nguyễn Thành S.
- Về con chung: Ông S được nuôi cháu Nguyễn Thị Mỹ X, sinh ngày 13/05/2011 và cháu Nguyễn Thành S1, sinh ngày 05/01/2016, hiện đang sống với ông S.

Bà A có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ nuôi con chung hàng tháng, mức cấp dưỡng là 655.000 đồng/01 con chung. Thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông S cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà A trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về án phí: Bà Phạm Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0011091 ngày 19/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Bà A còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 117 ngày 16/8/2010 thuộc quyền số 01 của Ủy ban nhân dân xã VT không còn giá trị pháp lý.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- THADS huyện AP (1);
- UBND xã VT (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu HS,VP (2);

Nguyễn Quang Bảo